

Số: 161 /QĐ-TH&THCSNK

Chà Tỏ, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định về chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 286/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND xã Chà Tỏ, Về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2025 của trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Bảng tin, Trang website nhà trường;
- Lưu VT, KT.



Lò Văn Bốn

(Biểu số 2 - Ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT/BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Nậm Khăn
Chương: 822



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 161/QĐ-TH&THCSK ngày 14/11/2025 của trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn)

Đvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	DT được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.825,000
I	Nguồn ngân sách nhà nước	7.825,000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.112,000
1	- Lương, phụ cấp TX và các khoản đóng góp	4.894,759
2	- Chi khác	217,241
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.713,000
1	- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	375,000
2	- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	391,000
3	- Chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	1.947,000